

Quyết định số: 05/2024/HS-GĐT

Ngày 29 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm gồm có: Ông Nguyễn Trí Tuệ, ông Ngô Hồng Phúc, ông Lê Văn Minh và bà Lương Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Nguyễn Phú N sinh năm 1969; trú tại ấp Thới H, thị trấn Cờ Đ, huyện Cờ Đ, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12; con ông Nguyễn Phú T và bà Lê Thị L (đều đã chết); có vợ và 01 con; tạm giữ từ ngày 04/4/2018; tạm giam từ ngày 13/4/2018, đến ngày 16/7/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại.

*** Bị hại:**

Bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn H sinh năm 1965; trú tại ấp Phú T, xã Phú H, huyện An P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T1 (còn gọi là Tư H1) là người đi thu mua gom lúa của người dân để bán lại cho các Công ty. Theo lời khai của bà T1, khi gặp Nguyễn Phú N tại cảng Bảo M (thuộc ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp), thì N giới thiệu là Phó Giám đốc Công ty Thủy L, nên bà T1 tin tưởng N là người của Công ty Thủy L ở cảng Bảo M. Khoảng đầu tháng 3/2018, N thỏa thuận bằng miệng mua của bà T1 300 tấn lúa, loại lúa 504 khô, giá theo từng thời điểm; về hình thức giao hàng được chia làm nhiều đợt, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản; địa điểm giao hàng tại Chi nhánh Công ty Thủy L ở cảng Bảo M. Bà T1 đã giao cho N 20.000.000 đồng đặt cọc để bảo đảm việc mua lúa theo thỏa thuận.

Ngày 14/3/2018, bà Nguyễn Thị T1 chở 108 tấn lúa khô loại 504 đến Công ty Thủy L ở cảng Bảo M để bán cho N với giá 6.450 đồng/01kg, thành tiền là

695.721.000 đồng. Số lúa này được cân trực tiếp xuống tàu của Công ty Thủy L. Thực chất số lúa này N bán lại cho Công ty Thủy L với giá 6.500 đồng/01kg, hưởng lời 50 đồng/01kg. Đến ngày 15/3/2018, N chuyển thanh toán số tiền 695.721.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị O (con gái bà T1).

Do tin tưởng N là người của Công ty Thủy L, vì lúa giao trực tiếp xuống tàu của Công ty và trả tiền đầy đủ bằng chuyển khoản, nên ngày 24/3/2018, bà T1 tiếp tục chở 177.547kg lúa khô loại 504 đến cảng Bảo M để bán cho N, với giá 6.050 đồng/01 kg, thành tiền là 1.074.159.000 đồng. Số lúa này cũng được cân giao trực tiếp xuống tàu của Công ty Thủy L. Thực chất N bán lại cho Công ty Thủy L với giá 5.900 đồng/01kg, chịu lỗ 150 đồng/01kg. Sau khi cân lúa xong, N nói với bà T1 do vào ngày cuối tuần (thứ 7) Công ty Thủy L không chuyển tiền. Để bà T1 tin tưởng đồng ý giao lúa, N viết giấy Biên nhận với bà T1 lấy danh nghĩa Công ty Thủy L, cụ thể: “*Công ty Thủy L có nhập lúa 504 khô của chị Tư H1 sl là: 177.547 x 6050 = 1.074.159.000 đồng + cọc 20.000.000 đồng = 1.094.159.000 đồng; thứ hai chuyển tiền*”. Thực tế, N biết rõ Công ty không hề mua lúa của bà T1 với giá 6.050 đồng/01kg và cũng không hề nhận cọc 20.000.000 đồng mà Công ty chỉ mua lúa của N với giá 5.900 đồng/01kg.

Ngày 27/3/2018, Công ty Thủy L chuyển 1.068.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Phú N, thanh toán tiền mua lúa, nhưng N không chuyển trả cho bà T1 mà chiếm đoạt bằng các thủ đoạn: viết giấy ủy nhiệm chi từ tài khoản của mình chuyển 800.616.000 đồng vào tài khoản của con trai là Nguyễn Gia L1; ủy nhiệm chi chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thanh V (người làm công cho N) số tiền 20.700.000 đồng để trả tiền công lúa và xăng dầu; cùng ngày N rút 200.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, cụ thể: trả nợ cho anh ruột Nguyễn Phú S 20.000.000 đồng, phụ tiền làm mồ cho cha ruột 30.000.000 đồng, cho 05 anh chị N, mỗi người 5.000.000 đồng, ngày 30/3/2018 đưa cho Phan Văn L2 và Nguyễn Bùi P mỗi người 50.000.000 đồng để đặt cọc lúa của nông dân tại huyện Giang T, tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra, N khai sang Campuchia đánh bạc thua hết 100.000.000 đồng.

Sau khi liên lạc với N nhiều lần không được, bà T1 đến Công ty Thủy L đòi tiền theo giấy Biên nhận thì được biết N không phải là người của Công ty, số lúa này Công ty Thủy L mua của N và đã trả tiền đầy đủ. Ngày 28/3/2018, bà T1 trình báo Công an.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Phú N đã nộp lại toàn bộ số tiền mà N đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Phú N không thừa nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T1 mà khai là do điều kiện khách quan không thể liên lạc được với bà T1 nên chậm trễ trong việc trả tiền mua lúa. N không lấy danh nghĩa là Phó Giám đốc Công ty Thủy L để mua lúa của bà T1 mà chỉ lấy tư cách cá nhân Nguyễn Phú N sau đó bán lại cho Công ty Thủy L để hưởng chênh lệch. Về giấy Biên nhận N trực tiếp viết cho bà T1, thực tế việc nhập lúa là tại cảng Bảo M và cân lên tàu của Công ty Thủy L nên N viết Biên nhận không có gì sai, Biên nhận

không thể hiện N giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Thủy L. Sau khi kết thúc điều tra, Nguyễn Phú N đã xin thay đổi lời khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra như đã nêu ở trên.

Tại Kết luận giám định số 259/KL-KTHS ngày 18/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận về giấy Biên nhận như sau: *Chữ viết, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Phú N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người viết, ký ra.*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 09/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đ áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Phú N 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, do đã bồi thường xong nên không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Phú N kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 394/2019/HS-PT ngày 16/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra, xét xử lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đ áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Phú N 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Phú N kháng cáo kêu oan.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 447/2022/HSPT ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2023/KN-HS ngày 08/3/2023, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 447/2022/HSPT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án này đã trải qua hai lần tố tụng và Tòa án cấp sơ thẩm luôn xác định có đủ căn cứ kết án Nguyễn Phú N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, cả hai lần Tòa án cấp phúc thẩm đều quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều

tra lại cùng với nhận định cần làm rõ thủ đoạn gian dối và ý thức chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Phú N.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định Nguyễn Phú N thực hiện 02 lần mua lúa của bà Nguyễn Thị T1, trong đó lần mua thứ nhất hai bên đã giao nhận đủ lúa và thanh toán xong, đến lần mua lúa thứ hai N bắt đầu có thủ đoạn gian dối đối với bà T1. Cụ thể:

[2.1] Ngày 24/3/2018, bà Nguyễn Thị T1 giao 177.547 kg lúa cho Nguyễn Phú N, hai bên thỏa thuận giá 6.050 đồng/01 kg, thành tiền là 1.074.159.000 đồng. Số lúa này Nguyễn Phú N bán lại cho Công ty Thủy L với giá 5.900 đồng/01kg, chịu lỗ 150 đồng/01kg. Như vậy, tại thời điểm N đồng ý mua của bà T1 với giá 6.050 đồng/01kg, nhưng lại bán cho Công ty với giá thấp hơn là 5.900 đồng/01kg là đã bắt đầu thể hiện thủ đoạn gian dối của N (mua cao bán thấp). Tiếp đó, mặc dù N không phải là người của Công ty Thủy L, không được ủy quyền đại diện cho Công ty này trong giao dịch mua bán lúa, nhưng N vẫn viết giấy Biên nhận với tư cách là người của Công ty với nội dung: “*Công ty Thủy L có nhập lúa 504 khô của chị Tư H1 sl là: $177.547 \times 6050 = 1.074.159.000$ đồng + cọc 20.000.000 đồng = 1.094.159.000 đồng; thứ hai chuyển tiền*” nhằm để bà T1 tin tưởng N là người của Công ty này. Hơn nữa, nội dung của giấy Biên nhận không đúng sự thật, vì Công ty Thủy L chỉ mua lúa của N với giá 5.900 đồng/01kg, nhưng N lại viết là Công ty mua lúa của bà T1 với giá 6.050 đồng/01kg, chỉ có N là người biết rõ nội dung ở giấy Biên nhận này là không đúng thực tế, nhưng N vẫn thực hiện để nhằm lừa dối bà T1, để bà T1 tin tưởng là đang bán lúa cho Công ty. Đây chính là thủ đoạn gian dối của N.

[2.2] Ngoài ra, ông Trịnh Công D (Giám đốc Công ty Thủy L) có lời khai không mua lúa của bà Nguyễn Thị T1, chỉ mua lúa của Nguyễn Phú N; Công ty Thủy L và N có quan hệ mua bán lúa từ nhiều năm trước. Điều này chứng minh nội dung của giấy Biên nhận là không đúng, vì Công ty Thủy L không có quan hệ mua bán lúa với bà T1.

[2.3] Như vậy, Nguyễn Phú N đã tạo niềm tin với bà Nguyễn Thị T1 từ lần mua lúa thứ nhất, nhưng bắt đầu có thủ đoạn gian dối đối với bà T1 từ lần mua lúa thứ hai. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ thủ đoạn gian dối của Nguyễn Phú N là không có cơ sở.

[2.4] Đối với nhận định của Tòa án cấp phúc thẩm về việc chưa đủ căn cứ xác định Nguyễn Phú N tự giới thiệu là Phó Giám đốc Công ty Thủy L, thấy rằng: mặc dù, tại Biên bản đối chất ngày 04/7/2018 giữa bà Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Phú N, N không thừa nhận tự giới thiệu là Phó Giám đốc Công ty và khai việc mua lúa với bà T1 là với tư cách cá nhân. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận giám định số 259/KL-KTHS ngày 18/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp có nội dung chữ viết, chữ ký trên giấy Biên nhận là do Nguyễn Phú N viết, phù hợp với lời khai của bà T1 và ông Nguyễn Văn H (chồng bà T1) có nội dung khi thỏa thuận mua lúa với bà T1, N lấy danh nghĩa là Phó Giám đốc Công ty Thủy L. Hơn nữa, ông Trịnh Công D có văn bản xác nhận N không phải là thành viên

của Công ty, không được cử là người đại diện Công ty ký hợp đồng mua lúa của nông dân. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Phú N tự nhận là Phó Giám đốc Công ty để mua lúa của bà T1. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định chưa đủ căn cứ xác định Nguyễn Phú N tự giới thiệu là Phó Giám đốc Công ty Thủy L là đánh giá không toàn diện chứng cứ.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thời điểm Nguyễn Phú N nhận tiền từ Công ty (ngày 27/3/2018) đến thời điểm bà Nguyễn Thị T1 trình báo Công an (ngày 28/3/2018) là khoảng thời gian rất ngắn; việc bị cáo chậm thanh toán cho bà T1 không đủ cơ sở chứng minh bị cáo chiếm đoạt tiền của bà T1. Nhận định này của Tòa án cấp phúc thẩm là không đúng. Bởi lẽ:

[3.1] Theo nội dung giấy Biên nhận, thì Nguyễn Phú N hẹn “*thứ hai chuyển tiền*”, nên ngày 26/3/2018 (là Thứ hai), bà Nguyễn Thị T1 gọi điện cho N yêu cầu thanh toán tiền. Ngày 27/3/2018 (là Thứ ba), Công ty Thủy L thanh toán tiền mua lúa cho N bằng chuyển khoản, nhưng N không chuyển tiền thanh toán cho bà T1, mặc dù ngày 27/3/2018, bà T1 tiếp tục gọi điện đòi tiền, N hứa hẹn nhiều lần rồi không nghe máy. Do không liên lạc được với N, nên bà T1 mới đến Công ty Thủy L để đòi tiền thì mới biết được N không phải là Phó Giám đốc của Công ty. Trong ngày 27/3/2018, N đã nhiều lần chuyển tiền từ số tiền đã nhận của Công ty Thủy L cho các cá nhân khác là 840.783.600 đồng, rút chi tiêu cá nhân 200.110.000 đồng, mà không thanh toán cho bà T1. Những ngày sau đó, N tiếp tục chuyển tiền cho những người khác; sau khi bị bắt (ngày 04/4/2018), trong tài khoản của N chỉ còn 139.096 đồng.

[3.2] Thời gian từ khi Nguyễn Phú N nhận được tiền từ Công ty Thủy L cho đến khi bà T1 trình báo Công an tuy chỉ cách nhau một ngày, nhưng hành vi phạm tội đã hoàn thành, số tiền nhận được từ Công ty Thủy L lẽ ra phải được chuyển thanh toán cho bà T1 (như đã hẹn) thì N lại chuyển cho những người khác và sử dụng cho mục đích cá nhân dù bà T1 liên tục liên lạc tìm N để đòi tiền. Do đó, đủ cơ sở xác định hành vi chiếm đoạt của Nguyễn Phú N.

[4] Như vậy, có cơ sở xác định Nguyễn Phú N dùng thủ đoạn gian dối và chiếm đoạt số tiền 1.074.159.000 đồng của bà Nguyễn Thị T1. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Phú N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 382; khoản 2 Điều 388; Điều 390 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2023/KN-HS ngày 08/3/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 447/2022/HS-PT ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Vụ 7 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo N (theo đ/c);
- UBND thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ;
- Vụ PC và QLKH - TANDTC;
- Lưu: TKTP, Vụ GDKTI (03_{Ming}), HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng